



Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng Của Sản Phẩm Bảo Hiểm

Xanh Ước Mơ

Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm không
tự động gia tăng

Giải pháp tích lũy giáo dục 1 2 3

1 Giải Pháp | **2** Thế Hệ | **3** Bảo Vệ

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam).
Nhiệm vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư.



1 Giải Pháp

Cho con cuộc đời,
chờ che trọn đời

- Bảo vệ suốt đời trước các rủi ro trong cuộc sống
- Tích lũy an toàn, không âu lo với lãi suất cam kết trong suốt thời hạn hợp đồng

2 Thế hệ

Bắt đầu từ cha mẹ,
tương lai trọn cho con

- Tích lũy hiệu quả với lãi suất gia tăng trong 10 năm đầu tiên
- Thưởng duy trì hợp đồng tại cột mốc kỷ niệm năm thứ 10

3 Bảo Vệ

Nhân 3 bảo vệ theo
từng bước chân con

- Gia tăng 5% Số Tiền Bảo Hiểm ⁽¹⁾ khi có thành viên mới trong gia đình
- Linh hoạt chuyển đổi kế hoạch bảo hiểm theo nhu cầu
- Linh hoạt bổ sung thêm quyền lợi bảo vệ cả gia đình với các Sản Phẩm Đính Kèm đa dạng

DT\$NB-SUPPDOG
V01-JL049



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

- Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)
- Điện thoại: (028) 5416 6888
- Website: www.manulife.com.vn
- Trụ sở chính: Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q7, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 13GP/KDBH, cấp lần đầu ngày 24/01/2005 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Vốn điều lệ: 22.220 tỷ đồng

Manulife không tăng phí bảo hiểm, không thăm định sức khỏe đối với Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm.

⁽¹⁾ Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, tăng tối đa 25% (tương ứng 5 thành viên mới)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

- Họ và tên đại lý: NGUYỄN VĂN VẤN
- Mã số đại lý: 10401

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp	Loại nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1997	28	Bar/Quán cà phê - Nhân viên bảo vệ	3
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1997	28	Bar/Quán cà phê - Nhân viên bảo vệ	3

THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

THÔNG TIN CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời Hạn Đóng Phí dự kiến (năm)	Thời Hạn Hợp Đồng (năm)	Mức thâm định (1)	Số Tiền Bảo Hiểm (VNĐ)	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ Năm (VNĐ)
Xanh Ước Mơ - Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm không tự động gia tăng - Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản	KHÁCH HÀNG	28	20	71	Chuẩn	1.100.000.000	20.000.000

- Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc: 03 Năm Hợp Đồng đầu tiên
- Thời hạn đóng phí tối đa: 71 năm

Lưu ý:

- Trong Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc (03 Năm Hợp Đồng đầu tiên), Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ không được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- Từ Năm Hợp Đồng thứ 04 trở đi:
 - BMBH có thể đóng phí theo Thời Hạn Đóng Phí dự kiến đã chọn hoặc đóng phí linh hoạt vào bất kỳ lúc nào trong Năm Hợp Đồng. Tuy nhiên, BMBH nên đóng phí như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
 - Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu GTTK Hợp Đồng (sau khi trừ Nợ, nếu có) không đủ để khấu trừ (các) Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ (VNĐ)

	Năm	Nửa Năm	Quý
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính (a)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Đính Kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm định kỳ (c) = (a) + (b)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến của Năm Hợp Đồng đầu tiên (d)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ trong Năm Hợp Đồng đầu tiên (e) = (c) + (d)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
<i>Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm</i>			

Lưu ý dành cho phần THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM:

(1) Mức thẩm định:

- Khi thông tin thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức chuẩn theo quy định của Manulife.
- Khi thông tin **không** thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức dưới chuẩn theo quy định của Manulife. Vui lòng xem chi tiết trong Thư Thỏa Thuận (V.v: Các điều kiện bảo hiểm).
Tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của NĐBH tại từng thời điểm, mức thẩm định và Phí Rủi Ro có thể được điều chỉnh theo quy định của Manulife.

THÔNG TIN TRA CỨU VỀ (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1	Sản Phẩm Bảo Hiểm Xanh Ước Mơ có tên kỹ thuật là “Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung - Đóng phí định kỳ (Phiên Bản 3)”
---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Khách hàng có thể tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem.html>

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM XANH ƯỚC MƠ

1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm tử vong	<ul style="list-style-type: none"> Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa Giá Trị Tài Khoản (GTTK) Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm. Quyền lợi chu toàn hậu sự: Sau khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong, Manulife sẽ ứng trước 30.000.000 đồng. Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực ngay tại ngày NĐBH tử vong.
Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (TTTBVV)	<ul style="list-style-type: none"> Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa GTTK Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm khi NĐBH bị: <ul style="list-style-type: none"> TTTBVV do mất bộ phận/ chức năng cơ thể; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể không do bệnh ung thư tuyến giáp; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp thuộc giai đoạn IV hoặc có di căn xa. Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực tại ngày NĐBH được chứng nhận bị TTTBVV. Manulife sẽ chi trả 110.000.000 đồng khi NĐBH bị TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp không thuộc giai đoạn IV và không di căn xa. Hợp Đồng tiếp tục có hiệu lực. Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV chấm dứt khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

Lưu ý đối với quyền lợi bảo hiểm:

- Điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm rủi ro: Sự kiện bảo hiểm xảy ra sau thời gian chờ (nếu có) và không thuộc bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào.
- Trường hợp NĐBH bị TTTBVV hoặc tử vong trước khi đạt 04 Tuổi, Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm với Số Tiền Bảo Hiểm được điều chỉnh theo tỷ lệ dưới đây:

Tuổi	Dưới 01 Tuổi	01 Tuổi	02 Tuổi	03 Tuổi
Số Tiền Bảo Hiểm sau khi điều chỉnh	Bằng 20% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 40% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 60% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 80% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)

- Vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm để biết chi tiết về cách thức xác định quyền lợi bảo hiểm.

2. QUYỀN LỢI GIA TĂNG SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình

- Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình là 5,0% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng trên mỗi thành viên. Tổng tỷ lệ gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm đối với quyền lợi này tối đa là 25% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng (tương ứng với tối đa 05 thành viên).
- Số Tiền Bảo Hiểm tăng thêm theo quyền lợi này không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.
- Các quyền lợi bảo hiểm và Phí Rủi Ro sẽ được xác định tương ứng với Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng tại từng thời điểm.

Điều kiện yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình:

- Yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm và các chứng từ hợp lệ liên quan được gửi đến Manulife trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết hôn, sinh con hoặc nhận con nuôi.
- Tại ngày yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm:
 - Người Được Bảo Hiểm chưa đạt 70 Tuổi; và
 - Người Được Bảo Hiểm còn sống và có Sức Khỏe Tiêu Chuẩn.

3. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư

- Định kỳ hàng tháng, Manulife sẽ chi trả Lãi Suất Đầu Tư vào Tài Khoản Hợp Đồng (gồm Tài Khoản Cơ Bản và Tài Khoản Đóng Thêm). Lãi Suất Đầu Tư là giá trị lớn hơn giữa:
 - Mức lãi suất được công bố hàng tháng trên cổng thông tin điện tử của Manulife ('Lãi Suất Công Bố'); và
 - Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu theo bảng dưới đây:

Năm Hợp Đồng	01	02	03 - 04	05 - 06	07 - 08	09 - 10	11 - hết Thời Hạn Hợp Đồng
Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu (quy năm)	3,5 %	3,0 %	2,5 %	2,0 %	1,5 %	1,0 %	0,5 %

Quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

- Trong 10 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Manulife sẽ chi trả quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng với mức lãi suất gia tăng quy năm là 1,0%.
- Quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng được chi trả vào Tài Khoản Cơ Bản theo định kỳ hàng tháng.

4. QUYỀN LỢI THƯỜNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

Quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Vào cuối Năm Hợp Đồng thứ 10, Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng bằng 50% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên vào Tài Khoản Đóng Thêm.
Điều kiện chi trả quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng nếu trong 10 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">Hợp Đồng Bảo Hiểm chưa từng bị mất hiệu lực;Không có giao dịch rút GTTK Cơ Bản (<i>trừ trường hợp rút tự động để đóng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản</i>);Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ trong vòng 60 ngày kể từ Ngày Đến Hạn Đóng Phí;Số Tiền Bảo Hiểm trong Thời Hạn Xem Xét không thấp hơn so với Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng;Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm trong Thời Hạn Xem Xét không thấp hơn so với Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng.

5. QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN

Vào Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng, Manulife sẽ chi trả toàn bộ GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sau khi trừ đi Nợ (nếu có).

6. CÁC YẾU TỐ LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sẽ tăng hoặc giảm hàng tháng theo các trường hợp sau:

Tăng		Giảm
GTTK Cơ Bản	<ul style="list-style-type: none"> Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản (nếu có); Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng; Giảm sau khi trừ khoản rút từ GTTK Cơ Bản.
GTTK Đóng Thêm	<ul style="list-style-type: none"> Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm được phân bổ vào Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có); Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; Tăng sau khi được cộng quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng (nếu GTTK Cơ Bản không đủ để chi trả khoản tiền này); Giảm sau khi được trừ khoản rút từ GTTK Đóng Thêm.

MINH HỌA HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG 20 NĂM

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đính Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)	Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	550	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	6.000		6.000	14.000		14.000	574	1.142	1.142
3/31	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	598	1.169	1.168
4/32	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	622	1.193	1.192
5/33	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	646	1.216	1.213
6/34	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	670	1.243	1.238
7/35	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	694	1.277	1.269
8/36	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	718	1.318	1.305
9/37	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	742	1.385	1.365
10/38	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	766	1.457	1.426
11/39	20.000			20.000				20.000		20.000	790	1.544	1.499
12/40	20.000			20.000				20.000		20.000	814	1.655	1.590
13/41	20.000			20.000				20.000		20.000	833	1.759	1.671
14/42	20.000			20.000				20.000		20.000	840	1.875	1.757
15/43	20.000			20.000				20.000		20.000	840	1.985	1.830
16/44	20.000			20.000				20.000		20.000	840	2.088	1.890
17/45	20.000			20.000				20.000		20.000	840	2.192	1.942
18/46	20.000			20.000				20.000		20.000	840	2.289	1.978
19/47	20.000			20.000				20.000		20.000	840	2.386	2.004
20/48	20.000			20.000				20.000		20.000	840	2.484	2.018

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTKK (6)	GTKK Cơ Bản (7)	GTKK Đóng Thêm (8)	GTKK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.750		8.750		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	574	221		21.913		21.913	3.913	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.169	598	374		37.449		37.449	28.449	1.100.000
4/32	20.000	16.000	1.193	622	531		53.482		53.482	47.482	1.100.000
5/33	20.000	16.000	1.216	646	691		69.688		69.688	65.688	1.100.000
6/34	20.000	19.600	1.243	670	891		90.039		90.039	88.039	1.100.000
7/35	20.000	19.600	1.277	694	1.093		110.397		110.397	110.397	1.100.000
8/36	20.000	19.600	1.318	718	1.298		131.201		131.201	131.201	1.100.000
9/37	20.000	19.600	1.385	742	1.503		151.680		151.680	151.680	1.100.000
10/38	20.000	19.600	1.457	766	11.709		172.474	10.000	182.474	182.474	1.110.000
11/39	20.000	20.000	1.544	790			191.096	10.050	201.146	201.146	1.110.050
12/40	20.000	20.000	1.655	814			209.676	10.100	219.776	219.776	1.110.100
13/41	20.000	20.000	1.759	833			228.225	10.151	238.376	238.376	1.110.151
14/42	20.000	20.000	1.875	840			246.744	10.202	256.945	256.945	1.110.202
15/43	20.000	20.000	1.985	840			265.245	10.253	275.497	275.497	1.110.253
16/44	20.000	20.000	2.088	840			283.735	10.304	294.039	294.039	1.110.304
17/45	20.000	20.000	2.192	840			302.214	10.355	312.569	312.569	1.110.355
18/46	20.000	20.000	2.289	840			320.688	10.407	331.095	331.095	1.110.407
19/47	20.000	20.000	2.386	840			339.156	10.459	349.615	349.615	1.110.459
20/48	20.000	20.000	2.484	840			357.619	10.511	368.130	368.130	1.110.511

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTKK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.796		8.796		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	574	223		22.182		22.182	4.182	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.168	598	379		38.292		38.292	29.292	1.100.000
4/32	20.000	16.000	1.192	622	543		55.163		55.163	49.163	1.100.000
5/33	20.000	16.000	1.213	646	714		72.838		72.838	68.838	1.100.000
6/34	20.000	19.600	1.238	670	931		95.134		95.134	93.134	1.100.000
7/35	20.000	19.600	1.269	694	1.157		118.497		118.497	118.497	1.100.000
8/36	20.000	19.600	1.305	718	1.395		142.975		142.975	142.975	1.100.000
9/37	20.000	19.600	1.365	742	1.644		168.599		168.599	168.599	1.100.000
10/38	20.000	19.600	1.426	766	11.904		195.426	10.000	205.426	205.426	1.110.000
11/39	20.000	20.000	1.499	790			221.705	10.400	232.105	232.105	1.110.400
12/40	20.000	20.000	1.590	814			248.917	10.816	259.733	259.733	1.110.816
13/41	20.000	20.000	1.671	833			277.115	11.249	288.364	288.364	1.111.249
14/42	20.000	20.000	1.757	840			306.347	11.699	318.045	318.045	1.111.699
15/43	20.000	20.000	1.830	840			336.673	12.166	348.839	348.839	1.112.166
16/44	20.000	20.000	1.890	840			368.151	12.653	380.804	380.804	1.112.653
17/45	20.000	20.000	1.942	840			400.835	13.159	413.994	413.994	1.113.159
18/46	20.000	20.000	1.978	840			434.789	13.686	448.475	448.475	1.113.686
19/47	20.000	20.000	2.004	840			470.075	14.233	484.308	484.308	1.114.233
20/48	20.000	20.000	2.018	840			506.758	14.802	521.561	521.561	1.114.802

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

MINH HỌA HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (03 NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN)

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đính Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)	Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	550	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	6.000		6.000	14.000		14.000	574	1.142	1.142
3/31	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	598	1.169	1.168
4/32											622	1.212	1.210
5/33											646	1.255	1.253
6/34											670	1.309	1.306
7/35											694	1.374	1.370
8/36											718	1.451	1.444
9/37											742	1.560	1.551
10/38											766	1.680	1.669
11/39											790	1.822	1.809
12/40											814	1.999	1.981
13/41											833	2.176	2.155
14/42											840	2.377	2.351
15/43											840	2.579	2.548
16/44											840	2.783	2.747
17/45											840	3.000	2.958
18/46											840	3.218	3.171
19/47											840	2.556	3.398
20/48											840		3.637

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTKK (6)	GTKK Cơ Bản (7)	GTKK Đóng Thêm (8)	GTKK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.750		8.750		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	574	221		21.913		21.913	3.913	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.169	598	374		37.449		37.449	28.449	1.100.000
4/32			1.212	622	369		36.900		36.900	30.900	1.100.000
5/33			1.255	646	362		36.082		36.082	32.082	1.100.000
6/34			1.309	670	353		35.160		35.160	33.160	1.100.000
7/35			1.374	694	343		33.947		33.947	33.947	1.100.000
8/36			1.451	718	330		32.603		32.603	32.603	1.100.000
9/37			1.560	742	315		30.931		30.931	30.931	1.100.000
10/38			1.680	766	297		29.080		29.080	29.080	1.100.000
11/39			1.822	790			26.606		26.606	26.606	1.100.000
12/40			1.999	814			23.919		23.919	23.919	1.100.000
13/41			2.176	833			21.021		21.021	21.021	1.100.000
14/42			2.377	840			17.900		17.900	17.900	1.100.000
15/43			2.579	840			14.562		14.562	14.562	1.100.000
16/44			2.783	840			11.002		11.002	11.002	1.100.000
17/45			3.000	840			7.207		7.207	7.207	1.100.000
18/46			3.218	840			3.174		3.174	3.174	1.100.000
19/47			2.556	623			Mất hiệu lực	Mất hiệu lực	Mất hiệu lực		
20/48											

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTKK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTK (6)	GTK Cơ Bản (7)	GTK Đóng Thêm (8)	GTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.796		8.796		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	574	223		22.182		22.182	4.182	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.168	598	379		38.292		38.292	29.292	1.100.000
4/32			1.210	622	380		38.338		38.338	32.338	1.100.000
5/33			1.253	646	380		38.319		38.319	34.319	1.100.000
6/34			1.306	670	379		38.220		38.220	36.220	1.100.000
7/35			1.370	694	378		38.025		38.025	38.025	1.100.000
8/36			1.444	718	375		37.720		37.720	37.720	1.100.000
9/37			1.551	742	372		37.264		37.264	37.264	1.100.000
10/38			1.669	766	366		36.640		36.640	36.640	1.100.000
11/39			1.809	790			35.451		35.451	35.451	1.100.000
12/40			1.981	814			34.014		34.014	34.014	1.100.000
13/41			2.155	833			32.322		32.322	32.322	1.100.000
14/42			2.351	840			30.356		30.356	30.356	1.100.000
15/43			2.548	840			28.109		28.109	28.109	1.100.000
16/44			2.747	840			25.569		25.569	25.569	1.100.000
17/45			2.958	840			22.712		22.712	22.712	1.100.000
18/46			3.171	840			19.522		19.522	19.522	1.100.000
19/47			3.398	840			15.974		15.974	15.974	1.100.000
20/48			3.637	840			12.039		12.039	12.039	1.100.000

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

GHI CHÚ:

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này dựa trên giả định:
 - GTTK Hợp Đồng được minh họa theo phí bảo hiểm theo định kỳ Năm và được tích lũy đến cuối Năm Hợp Đồng liên quan. GTTK Hợp Đồng có thể thay đổi theo phí bảo hiểm thực đóng và định kỳ đóng phí thực tế.
 - NĐBH có sức khỏe ở mức thẩm định như được nêu tại mục **Thông Tin Chung Của (Các) Sản Phẩm Bảo Hiểm**
 - Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện để nhận quyền lợi thưởng duy trì Hợp Đồng.
- Mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu và mức lãi suất đầu tư minh họa trên đây đã được khấu trừ % Phí Quản Lý Quỹ.
- Mức lãi suất đầu tư minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung và mức lãi suất đầu tư này là không đảm bảo. Tuy nhiên mức Lãi Suất Đầu Tư sẽ được đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
- Giá Trị Hoàn Lại được xác định bằng Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng tại ngày Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn, trừ đi (i) Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn và (ii) Nợ (nếu có).

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên Kết Chung là (“Quỹ”) được hình thành từ việc phân bổ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, được tạo ra từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung do Công Ty phát hành.

- 1. Chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Quỹ có chính sách đầu tư trung và dài hạn, tập trung tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro với mục tiêu tạo được lợi nhuận đầu tư ổn định và sinh lời với khả năng thanh khoản cao cho khách hàng.
- 2. Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ:** Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ tập trung chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ của thị trường tiền tệ và các kênh đầu tư khác. Tỷ lệ phân bổ tài sản cụ thể được công bố hằng năm trong Báo Cáo Thường Niên – Quỹ Liên Kết Chung, đăng tải trên Website: www.manulife.com.vn
- 3. Đơn vị nhận ủy thác Quỹ:** Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).
- 4. Lãi Suất Công Bố 05 năm vừa qua của Quỹ Liên Kết Chung:**

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Lãi Suất Công Bố (*)	4,5% - 5,0%	4,0% - 5,0%	3,3% - 4,5%	3,5% - 4,2%	3,5% - 4,5%

Vui lòng xem chi tiết tại chương Thông Tin Về Quỹ Liên Kết Chung trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm.

THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Phí Ban Đầu	Là khoản phí mà Manulife khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản và Tài Khoản Đóng Thêm của Hợp Đồng. Phí Ban Đầu được khấu trừ theo tỷ lệ % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm như sau:											
	Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6-10	11+				
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	50%	30%	20%	20%	20%	2%	0%				
	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	1,5 %							0%			
2. Phí Rủi Ro	Là khoản phí dùng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp Đồng. Phí Rủi Ro được tính và thay đổi theo Tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người Được Bảo Hiểm và Số Tiền Bảo Hiểm tại thời điểm khấu trừ.											
3. Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Quản Lý Hợp Đồng là khoản phí dùng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho BMBH. Trong năm 2025, Phí Quản Lý Hợp Đồng là 45.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng và sẽ tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Tuy nhiên, mức Phí Quản Lý Hợp Đồng tối đa là 70.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng. <i>Đơn vị tính: 1.000 VNĐ</i>											
	Năm	2025	2026	2027	2028	2029	...	2034	2035	2036	2037	2038+
	Phí Quản Lý Hợp Đồng	45	47	49	51	53	...	63	65	67	69	70
4. Phí Quản Lý Quỹ	Là khoản phí được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, định giá tài sản, giám sát và quản lý Quỹ. Phí Quản Lý Quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của Quỹ. Phí Quản Lý Quỹ tối đa là 2%/ năm tính trên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.											
5. Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn	Là khoản phí phát sinh khi Hợp Đồng bị chấm dứt trước thời hạn, được tính theo % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và tùy thuộc vào Năm Hợp Đồng theo quy định tại bảng sau:											
	Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7+				
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng	90%	90%	45%	30%	20%	10%	0%				

Lưu ý: Trường hợp Manulife áp dụng mức Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Quản Lý Quỹ cao hơn mức tối đa nêu trên (sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính), Manulife sẽ thông báo cho BMBH 03 tháng trước khi áp dụng mức phí mới.

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Manulife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào được quy định tại Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Vui lòng tham khảo chi tiết tại Chương “Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” của Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm hoặc truy cập website <https://www.manulife.com.vn/> - mục **Sản phẩm** để biết thêm chi tiết

CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1900 1776
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: khachhang@manulife.com
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: <https://www.manulife.com.vn/vi/lien-he.html>
- Khách hàng có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: <https://shop.manulife.com.vn/ext/vn-ecm-web/dang-ky>.
- Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/ve-chung-toi/bao-cao-tai-chinh.html>

LƯU Ý KHI THAM GIA SẢN PHẨM

1. Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có giá trị minh họa, vui lòng tham khảo chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.
2. BMBH, NĐBH cần tuân thủ các quy định trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm để đảm bảo quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là:
 - a. Trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Manulife xem xét chấp thuận bảo hiểm cho Hợp Đồng này.
 - b. Trách nhiệm đảm bảo khả năng tài chính để hoàn thành nghĩa vụ đóng phí.
3. Hợp Đồng là một cam kết dài hạn. Việc chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn có thể ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính trong tương lai của BMBH. Giá Trị Hoàn Lại của Hợp Đồng khi chấm dứt trước thời hạn có thể thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Tôi, người ký tên dưới đây xác nhận đã hoàn thiện Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này theo thông tin do BMBH cung cấp và đã giải thích trung thực, tư vấn đầy đủ cho BMBH, NĐBH về nội dung chi tiết của:

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng; và
- Quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; và
- Quyền và nghĩa vụ của BMBH, NĐBH khi giao kết Hợp Đồng.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tôi/ Chúng tôi xác nhận đã được đại lý giải thích rõ ràng, tư vấn đầy đủ toàn bộ nội dung tại Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này; quyền lợi bảo hiểm; điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tôi/ chúng tôi khi giao kết Hợp Đồng. Tôi/ Chúng tôi cũng đã đọc và hiểu rõ toàn bộ nội dung trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này.
2. Tôi/ Chúng tôi cam kết đã cung cấp, kê khai một cách trung thực các thông tin trên Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này và các tài liệu, biểu mẫu liên quan khác cho Manulife nhằm mục đích cấp và giao kết Hợp Đồng, và chịu mọi trách nhiệm liên quan nếu khai báo không trung thực.
3. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Manulife để cấp Hợp Đồng vào hoặc trước ngày 26/07/2025 và được đính kèm với Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của BMBH.
4. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng đây là một sản phẩm bảo hiểm có yếu tố đầu tư, cho phép khách hàng như tôi/ chúng tôi vừa có quyền lợi bảo hiểm rủi ro vừa có quyền lợi đầu tư, mà không phải là sản phẩm đầu tư thuần túy.

Ngày: _____

Ngày: _____

Chữ ký: _____
NGUYỄN VĂN VĂN, 10401, HCM04

Chữ ký: _____
KHÁCH HÀNG